

Bộ Giáo dục và Đào tạo  
Đại học Duy Tân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN  
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ: .....

ẢNH 4x6

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ thông tin; Chuyên ngành: Khoa học máy tính.

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Gia Như
2. Ngày tháng năm sinh: 4/12/1977 ; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;  
Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Phật giáo
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Lộc Trì, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế.
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 356/91 Hoàng Diệu, Thành phố Đà Nẵng.
6. Địa chỉ liên hệ: Khoa Sau đại học, Trường Đại học Duy Tân 254 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng.  
Điện thoại nhà riêng: Điện thoại di động: 0901964444;  
Địa chỉ E-mail: nguyengianhu@duytan.edu.vn
7. Quá trình công tác:
- Từ năm 09/2000 đến năm 02/2002: Trợ giảng, Trường Đại học Duy Tân, 254 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng. Trợ giảng tại Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Duy Tân
- Từ năm 03/2002 đến năm 05/2005: Giảng viên, Trường Đại học Duy Tân, 254 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng.
- Từ năm 05/2005 đến năm 05/2017: Trưởng Bộ môn Kỹ thuật Mạng máy tính, Trường Đại học Duy Tân, 254 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng. Trưởng Bộ môn Kỹ thuật Mạng máy tính, Khoa Công nghệ thông tin
- Từ năm 05/2007 đến năm 09/2009: Trưởng Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Duy Tân, 254 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng.
- Từ năm 09/2009 đến năm 03/2010: Phó Trưởng phòng Quản lý Khoa học và đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Duy Tân, 254 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng.
- Từ năm 02/2010 đến năm 11/2010: Q.Trưởng khoa Sau đại học, Trường Đại học Duy Tân, 254 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng.
- Từ năm 12/2010 đến năm 10/2007: Phó Trưởng khoa thường trực, Khoa Sau đại học, Trường Đại học Duy Tân, 254 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng.
- Từ năm 10/2007 đến năm 07/2019: Trưởng Khoa Sau đại học, Trường Đại học Duy Tân, 254 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng.
- Chức vụ: Hiện nay: Trưởng khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng khoa.
- Cơ quan công tác hiện nay (khoa, phòng, ban; trường, viện; thuộc Bộ): Khoa Sau đại học; Đại học Duy Tân; Bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Địa chỉ cơ quan: 254 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng.
- Điện thoại cơ quan: 0236652608.
- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học;: Không có.
8. Đã nghỉ hưu từ tháng ..... năm .....
- Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....
- Tên cơ sở giáo dục đại học nơi có hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):  
.....
9. Học vị:
- Được cấp bằng ĐH ngày 05 tháng 07 năm 2000, ngành Tin học, chuyên ngành: Tin học
- Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Sư Phạm Huế/32 Lê Lợi, Thành Phố Huế
- Được cấp bằng ThS ngày 12 tháng 07 năm 2006, ngành Khoa học máy tính, chuyên ngành: Khoa học máy tính
- Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Đà Nẵng/27 Lê Duẩn, Thành phố Đà Nẵng
- Được cấp bằng TS ngày 24 tháng 12 năm 2015, ngành Toán học, chuyên ngành: Cơ sở Toán cho Tin học
- Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội/334, Nguyễn Trãi, Quận

Thanh Xuân, Hà Nội

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS thời gian: Không có., ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HDGS cơ sở: Trường Đại học Duy Tân.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HDGS ngành, liên ngành: Hội đồng ngành Công nghệ thông tin.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Các thuật toán tiến hóa giải quyết một số bài toán tối ưu trong mạng không dây

- Tối ưu mạng không dây

- Công nghệ thực tại ảo

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 5 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã công bố (số lượng) 6 bài báo KH trong nước, 53 bài báo KH trên tạp chí có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) ..... bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 18, trong đó có 18 thuộc nhà xuất bản có uy tín.

Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất:

| Sách tiêu biểu |                                                                            |                                             |                           |                  |                   |                           |              |
|----------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------|------------------|-------------------|---------------------------|--------------|
| TT             | Tên sách                                                                   | Tên tác giả                                 | Vai trò                   | Loại sách        | ISBN              | Tên nhà xuất bản          | Năm xuất bản |
| 1              | Advances in Swarm Intelligence for Optimizing Problems in Computer Science | Anand Nayyar, Dac-Nhuong Le, Nhu Gia Nguyen | Vừa chủ biên vừa tham gia | Sách chuyên khảo | 978-1-138-48251-7 | CRC Press, Taylor Francis | 2018         |

| Bài báo khoa học tiêu biểu |                                                                                                       |                                                                                     |                            |                                                           |       |    |              |              |
|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------|-------|----|--------------|--------------|
| TT                         | Tên bài báo                                                                                           | Tên tác giả                                                                         | Loại công bố (chỉ số IF)   | Tên tạp chí, kỉ yếu khoa học                              | Tập   | Số | Trang        | Năm xuất bản |
| 1                          | An Efficient Coverage Hole-Healing Algorithm for Area-Coverage Improvements in Mobile Sensor Networks | Chakchai So-In, Tri Gia Nguyen, Nhu Gia Nguyen                                      | SCIE (KHTN-CN) (IF: 2.397) | Peer-to-Peer Networking and Application, Springer         | 12(3) |    | 541–552      | 2019         |
| 2                          | A survey of the state-of-the-arts on neutrosophic sets in biomedical diagnoses                        | Nhu Gia Nguyen, Nilanjan Dey, Amira S. Ashour, Le Hoang Son                         | SCIE (KHTN-CN) (IF: 3.844) | International Journal of Machine Learning and Cybernetics | 10(1) |    | 1–13         | 2019         |
| 3                          | A Particle Swarm Optimized Learning Model of Fault Classification in Web-App                          | Deepak Kumar Jain, Akshi Kumar, Saurabh Raj Sangwan, Gia Nhu Nguyen, Prayag Tiwari, | SCIE (KHTN-CN) (IF: 4.098) | IEEE Access                                               |       | 7  | 18480 -18489 | 2019         |

|   |                                                                                                                                 |                                                            |      |                                                                                                     |  |  |       |      |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-------|------|
| 4 | Ant Colony Optimization and Partical Swarm Optimization Algorithms Applied to Optimizing Access Centralized in Wireless Network | Nguyễn Gia Như, Lê Đắc Như, Lê Trọng Vĩnh, Nguyễn Xuân Huy | Khác | Kỷ yếu Hội thảo quốc gia Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT lần thứ XVII, 30-31/10/2014, Tây Nguyên |  |  | 13-18 | 2014 |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-------|------|

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Giảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2009-2010 (14/ 01/ 11 ), cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Đã có thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển Nhà trường Giai đoạn 1994-2014 , cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Đã có đóng góp xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển Nhà trường Giai đoạn 1994-2014 , cấp Trường Đại học Duy Tân.
- Cán bộ tiêu biểu trong phong trào thi đua “Lao động giỏi, lao động sáng tạo” lần thứ IV năm 2016, cấp UBND Thành phố Đà Nẵng.
- Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng cho công trình khoa học được đăng trên tạp chí ISI, cấp UBND Thành phố Đà Nẵng.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có.

**B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/ PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

Là giảng viên của trường Đại học Duy Tân với 18 năm kinh nghiệm giảng dạy; tôi đã và đang trực tiếp giảng dạy các học phần: Elements of Network Security, Introduction Computer Networks and Telecommunications hệ đại học chương trình hợp tác với Đại học Carnegie Mellon University (Hoa Kỳ), Thiết kế mạng tại khoa Công nghệ thông tin, Truyền thông và Mạng máy tính, Hệ thống thông tin quản lý tại khoa Sau đại học. Trong thời gian qua, tôi luôn hoàn thành đầy đủ và vượt định mức khối lượng giảng dạy.

Bên cạnh đó, tôi luôn tích cực hướng dẫn sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên khoa CNTT, đồ án Capstone cuối khóa cho sinh viên chương trình hợp tác với Đại học Carnegie Mellon University, tham gia hướng dẫn học viên cao học ngành Khoa học máy tính.

Là Trưởng Khoa Sau đại học, tôi đã chủ trì việc tổ chức rà soát, chỉnh sửa và cập nhật chương trình đào tạo tiến sĩ và thạc sĩ ngành Khoa học máy tính; chủ trì xây dựng đề án đào tạo cử nhân Công nghệ thông tin đặc thù, đề án hợp với Đại học NHU (Đài Loan) đào tạo thạc sĩ Khoa học dữ liệu. đồng thời,□tham gia nhiều đề án mở ngành sau đại học khác.

Tôi đã tham gia thực hiện 2 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Tỉnh với vai trò thư ký khoa học và nghiên cứu chính. Trong thời gian qua, tôi đã công bố trên 50 bài báo trên các tạp chí quốc tế uy tín trong danh mục SCIE, Scopus; trong đó có 8 bài báo trong danh mục ISI có chỉ số IF vượt trội ( Q1,Q2 và IF>2); □đã tham gia đồng chủ biên 9 sách chuyên ngành trên các nhà xuất bản uy tín thế giới như Springer, Wiley và CRC Press Taylor Francis; đã xuất bản 3 giáo trình trong nước phục vụ công tác đào tạo.

Tôi đã chủ trì thực hiện 1 hội thảo quốc gia□và 4 hội thảo khoa học quốc tế về Công nghệ thông tin.

Hiện tại, theo cơ sở dữ liệu Scopus, tôi□có chỉ số H-index là 6□với 136□trích dẫn. Còn□theo cơ sở dữ liệu Google Scholar, tôi có chỉ số H-index là 11 với 525□trích dẫn.

Tôi tự đánh giá mình hoàn thành tốt và đảm bảo các tiêu chuẩn, nhiệm vụ của một nhà giáo đại học

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số 18.

Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ.

| TT | Năm học   | Hướng dẫn NCS |     | HD luận văn ThS | HD đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH | Giảng dạy |     | Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi |
|----|-----------|---------------|-----|-----------------|-----------------------------------|-----------|-----|----------------------------------|
|    |           | Chính         | Phụ |                 |                                   | ĐH        | SDH |                                  |
| 1  | 2013-2014 | 0             | 0   | 0               | 11                                | 150       | 0   | 150/425                          |

|                  |           |   |   |   |    |     |     |         |
|------------------|-----------|---|---|---|----|-----|-----|---------|
| 2                | 2014-2015 | 0 | 0 | 0 | 9  | 150 | 0   | 150/375 |
| 3                | 2015-2016 | 0 | 0 | 0 | 10 | 135 | 90  | 225/475 |
| 3 thâm niên cuối |           |   |   |   |    |     |     |         |
| 1                | 2016-2017 | 0 | 0 | 2 | 7  | 45  | 225 | 270/560 |
| 2                | 2017-2018 | 0 | 0 | 3 | 4  | 0   | 315 | 315/580 |
| 3                | 2018-2019 | 0 | 0 | 0 | 4  | 0   | 270 | 270/370 |

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

– Học ĐH ☐; Tại nước: từ năm:

– Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm:

– Thực tập dài hạn (> 2 năm) ☐; Tại nước:

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

– Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ... ; Số bằng: ... ; Năm cấp: ...

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

– Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

– Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Khoa Đào tạo Quốc tế, Trường Đại học Duy Tân

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh giao tiếp (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ tiếng Anh B2, Khung Châu Âu

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng):

| TT | Họ tên NCS<br>hoặc HV    | Đối tượng |    | Trách nhiệm HD |     | Thời gian hướng<br>dẫn<br>từ .....đến..... | Cơ sở đào tạo             | Năm được cấp bằng/có<br>quyết định cấp bằng |
|----|--------------------------|-----------|----|----------------|-----|--------------------------------------------|---------------------------|---------------------------------------------|
|    |                          | NCS       | HV | Chính          | Phụ |                                            |                           |                                             |
| 1  | Hà Lê Huyền<br>Trâm      |           | ✓  | ✓              |     | 12/2016 đến 06/2017                        | Trường Đại học<br>Duy Tân | 2017                                        |
| 2  | Bùi Phước Tùng           |           | ✓  | ✓              |     | 08/2016 đến 08/2017                        | Trường Đại học<br>Duy Tân | 2017                                        |
| 3  | Bùi Văn Vượng            |           | ✓  | ✓              |     | 01/2017 đến 07/2017                        | Trường Đại học<br>Duy Tân | 2017                                        |
| 4  | Nguyễn Xuân Bắc          |           | ✓  | ✓              |     | 12/2016 đến 07/2017                        | Trường Đại học<br>Duy Tân | 2017                                        |
| 5  | Nguyễn Đình<br>Ngọc Khoa |           | ✓  | ✓              |     | 01/2017 đến 08/2017                        | Trường Đại học<br>Duy Tân | 2017                                        |

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học:

\*Giai đoạn Trước Tiến Sĩ Không có

\*Giai đoạn Sau Tiến Sĩ

| TT | Tên sách                                                                 | Loại sách<br>(CK, GT,<br>TK, HD) | Nhà xuất bản và<br>năm xuất bản                | Số<br>tác<br>giả | Viết một mình<br>hoặc chủ biên,<br>phần biên soạn | Xác nhận của<br>CSGDĐH (số văn bản<br>xác nhận sử dụng sách)             |
|----|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Frontiers in Intelligent Computing:<br>Theory and Applications, Vol 1013 | Sách tham<br>khảo                | Springer, 2019                                 | 5                | Vừa chủ biên<br>vừa tham gia                      | Xác nhận của Trường<br>Đại học Duy Tân và<br>Trường Đại học Hải<br>Phòng |
| 2  | Frontiers in Intelligent Computing:<br>Theory and Applications, Vol 1014 | Sách tham<br>khảo                | Springer, 2019                                 | 5                | Vừa chủ biên<br>vừa tham gia                      | Xác nhận của Trường<br>Đại học Duy Tân và<br>Trường Đại học Hải<br>Phòng |
| 3  | Analysis of Telemedicine<br>Technologies (book chapter)                  | Sách chuyên<br>khảo              | Wiley, 2018                                    | 5                | Vừa chủ biên<br>vừa tham gia                      |                                                                          |
| 4  | Augmenting Dental Care: A Current<br>Perspective (book chapter)          | Sách chuyên<br>khảo              | Wiley, 2018                                    | 2                | Vừa chủ biên<br>vừa tham gia                      |                                                                          |
| 5  | Introduction to Swarm Intelligence<br>(book chapter)                     | Sách chuyên<br>khảo              | CRC Press (Taylor<br>& Francis Group),<br>2018 | 2                | Vừa chủ biên<br>vừa tham gia                      |                                                                          |

|    |                                                                                                      |                      |                                       |   |                           |                                                                 |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------|---|---------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 6  | Sentiment Analysis for Airlines Services Based on Twitter Dataset ( book Chapter)                    | Sách chuyên khảo     | Elsevier, 2018                        | 8 | Viết chung                |                                                                 |
| 7  | Emerging Technologies for Health and Medicine                                                        | Sách chuyên khảo     | Wiley, 2018                           | 4 | Vừa chủ biên vừa tham gia | Xác nhận của Trường Đại học Duy Tân và Trường Đại học Hải Phòng |
| 8  | Advances in Swarm Intelligence for Optimizing Problems in Computer Science                           | Sách chuyên khảo     | CRC Press, Taylor Francis, 2018       | 3 | Vừa chủ biên vừa tham gia | Xác nhận của Trường Đại học Duy Tân và Trường Đại học Hải Phòng |
| 9  | Acoustic Sensors for Biomedical Applications                                                         | Sách chuyên khảo     | Springer Nature, 2018                 | 4 | Vừa chủ biên vừa tham gia | Xác nhận của Trường Đại học Duy Tân                             |
| 10 | Cloud Computing Virtualization                                                                       | Sách chuyên khảo     | Wiley, 2018                           | 4 | Chủ biên                  | Xác nhận của Trường Đại học Duy Tân                             |
| 11 | Social Network Analytics for Contemporary Business Organizations                                     | Sách chuyên khảo     | IGI Global, 2018                      | 4 | Chủ biên                  | Xác nhận của Trường Đại học Duy Tân                             |
| 12 | Information Systems Design and Intelligent Applications                                              | Sách tham khảo       | Springer, 2018                        | 5 | Viết chung                | Xác nhận của Trường Đại học Duy Tân và Trường Đại học Hải Phòng |
| 13 | A Modified Hybrid Structure for Next Genration Super High Speed Communication using TDLTE and Wi-Max | Sách chuyên khảo     | Springer, 2017                        | 6 | Viết chung                |                                                                 |
| 14 | Automatic Generation Control of Hydrovi Trang Hydro Interconnected Power System Based on Ant Colony  | Sách chuyên khảo     | IGI Global Publisher, 2017            | 6 | Viết chung                |                                                                 |
| 15 | Wireless Sensor Network: Architecture, Protocols and Simulation                                      | Sách chuyên khảo     | VSRD Academic Publishing, India, 2017 | 4 | Viết chung                | Xác nhận của Trường Đại học Duy Tân và Trường Đại học Hải Phòng |
| 16 | Lập trình cơ sở                                                                                      | Giáo trình (ĐH, SDH) | Nhà xuất bản Xây dựng, 2017           | 2 | Chủ biên                  | Xác nhận của Trường Đại học Duy Tân và Trường Đại học Hải Phòng |
| 17 | Deep Learning for Multimedia Content Analysis ( book chapter)                                        | Sách chuyên khảo     | CRC, Taylor and Francis, 2016         | 3 | Viết chung                |                                                                 |
| 18 | Truyền thông đa phương tiện                                                                          | Giáo trình (ĐH, SDH) | Thông tin và Truyền thông, 2016       | 2 | Chủ biên                  | Xác nhận của Trường Đại học Duy Tân và Trường Đại học Hải Phòng |

- Trong đó, sách chuyên khảo xuất bản ở NXB uy tín trên thế giới sau khi được công nhận PGS (đối với ứng viên chức danh GS) hoặc cấp bằng TS (đối với ứng viên chức danh PGS):

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)                                                                                                                                    | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý              | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------|---------------------|-----------------------------------------|
| 1  | Nghiên cứu và phát triển hệ thống kiểm soát an ninh sử dụng công nghệ nhận dạng đa sinh trắc kết hợp với công nghệ nhận dạng bằng tần số vô tuyến (RFID) trên nền hệ thống nhúng. | Thư kí    | B2012-43-01 Bộ GD-ĐT, Bộ/Sở       | 08/2012 đến 07/2014 | 28/12/2014                              |
| 2  | Số hóa phổ cổ Hội An trên nền công nghệ 3D nhằm bảo tồn và giới thiệu di sản Việt Nam ra thế giới                                                                                 | Thư kí    | 21/HĐ-SKHCN Tỉnh Quảng Nam, Bộ/Sở | 07/2016 đến 01/2019 | 11/01/2019                              |

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc

gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học đã công bố:

\*Giai đoạn Trước Tiến Sĩ

| TT | Tên bài báo                                                                                                                     | Số tác giả | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học                                                                                                                                                | Tạp chí quốc tế uy tín (và IF) (*) | Số trích dẫn của bài báo | Tập/Số              | Trang   | Năm công bố |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------|---------------------|---------|-------------|
| 1  | A new ant-based approach for optimal service selection with E2E QoS constraints                                                 | 2          | International Conference on Soft Computing, Intelligence Systems, and Information Technology; Communications in Computer and Information Science, Springer, Berlin, Heidelberg. | Scopus (KHTN-CN)                   | 1                        | 56/CCIS, volume 516 | 98-109  | 2015        |
| 2  | Two energy-efficient cluster head selection techniques based on distance for wireless sensor networks                           | 3          | IEEE International Computer Science and Engineering Conference (ICSEC)                                                                                                          | Scopus (KHTN-CN)                   | 18                       | /                   | 33-38   | 2014        |
| 3  | Physical layer security in UWB communication systems with transmit antenna selection                                            | 4          | International Conference on Computing, Management and Telecommunications (ComManTel)                                                                                            | Scopus (KHTN-CN)                   | 7                        | /                   | 280-285 | 2014        |
| 4  | Ant Colony Optimization and Partical Swarm Optimization Algorithms Applied to Optimizing Access Centralized in Wireless Network | 4          | Kỷ yếu Hội thảo quốc gia Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT lần thứ XVII, 30-31/10/2014, Tây Nguyên                                                                             | Khác                               |                          | /                   | 13-18   | 2014        |
| 5  | Áp dụng thuật toán PSO tối ưu vị trí các trạm thu phát sóng di động                                                             | 3          | Kỷ yếu Hội thảo quốc gia Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT lần thứ 16, 2013 Đà Nẵng                                                                                            | Khác                               |                          | /                   | 23-28   | 2013        |
| 6  | Giải pháp phòng chống tấn công DDoS dựa trên chính sách bảo mật trong mạng thế hệ mới                                           | 3          | Kỷ yếu Hội thảo quốc gia Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT lần thứ XVI, ngày 14-15/11/2013, Đà Nẵng.                                                                           | Khác                               |                          | /                   | 95-103  | 2013        |
| 7  | A New Genetic Algorithm Applied to Objectives Optimal of Upgrading Infrastructure in NGWN                                       | 4          | Communications and Network, ISSN: 1949-2421                                                                                                                                     | Khác                               | 4                        | 5(3B2)/             | 223-321 | 2013        |
| 8  | Optimizing Gateway Placement in Wireless Mesh Networks Based on ACO Algorithm                                                   | 5          | International Journal of Computer and Communication Engineering (IJCCE), ISSN: 2010-3743.                                                                                       | Khác                               | 7                        | /                   | 143-147 | 2013        |
| 9  | So sánh các cách tiếp cận phỏng sinh học giải bài toán tối ưu vị trí đặt các trạm điều khiển trong mạng không dây               | 4          | Hội thảo quốc gia nghiên cứu và ứng dụng Công nghệ thông tin (FAIR) 2013, tại Huế                                                                                               | Khác                               |                          | /                   | 491-501 | 2013        |
| 10 | A Novel PSO Based Algorithm Approach for the cMTS to Improve QoS in Next Generation Networks                                    | 4          | Journal of Future Computer and Communication. ISSN: 2010-3751                                                                                                                   | Khác                               |                          | 2(5)/               | 413-417 | 2013        |
| 11 | A Novel PSO-Based Algorithm for the Optimal Location of Controllers in Wireless Networks                                        | 3          | International Journal of Computer Science and Network Security, ISSN: 1738-7906                                                                                                 | ISI (KHTN-CN)                      | 13                       | Vol.12(8), /        | 23-29.  | 2012        |

|    |                                                                                                                                  |   |                                                                                                 |                  |    |            |          |      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----|------------|----------|------|
| 12 | Particle Swarm Optimization and Ant Colony Optimization Algorithms Applied to the Optimizing Communication Spanning Tree Problem | 3 | Kỷ yếu Hội thảo quốc gia Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT lần thứ 15                          | Khác             |    | /          | 334-340, | 2012 |
| 13 | Song song hóa thuật toán so khớp mẫu QuickSearch trong NIDS sử dụng mô hình chia sẻ bộ nhớ với OpenMP và Pthreads                | 4 | Tạp chí Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ĐHQG Hà Nội, ISSN: 1859-1531                            | Khác             |    | Vol.28(4)/ | 255-263. | 2012 |
| 14 | A novel PSO-based algorithm for gateway placement in wireless mesh networks                                                      | 3 | 2011 IEEE 3rd International Conference on Communication Software and Networks, ICCSN 2011, IEEE | Scopus (KHTN-CN) | 15 | /          | 41-45    | 2011 |
| 15 | A novel particle swarm optimization - Based algorithm for the optimal communication spanning tree problem                        | 3 | IEEE Second International Conference on Communication Software and Networks                     | Scopus (KHTN-CN) | 6  | /          | 232-236  | 2010 |

\*Giai đoạn Sau Tiến Sĩ

| TT | Tên bài báo                                                                                                        | Số tác giả | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học                                                | Tạp chí quốc tế uy tín (và IF) (*) | Số trích dẫn của bài báo | Tập/Số                | Trang   | Năm công bố |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------|-----------------------|---------|-------------|
| 16 | Advances in Swarm Intelligence and Machine Learning for Optimizing Problems in Image Processing and Data Analytics | 3          | Recent Patents on Computer Science, 2019                                        | Scopus (KHTN-CN)                   |                          | Volume 12 , Issue 4 / |         | 2019        |
| 17 | Hyperbolic Spider Monkey Optimization Algorithm                                                                    | 4          | Recent Patents on Computer Science                                              | Scopus (KHTN-CN)                   |                          | /                     |         | 2019        |
| 18 | Robot Path Planning Using Modified Artificial Bee Colony Algorithm                                                 | 4          | Proceedings of the 7th International Conference on FICTA (2018), Springer, 2019 | Scopus (KHTN-CN)                   |                          | /                     |         | 2019        |
| 19 | Internet of Things (IoT) and Deep Neural Network Based Intelligent and Conceptual Model for Smart City             | 5          | Proceedings of the 7th International Conference on FICTA (2018), Springer, 2019 | Scopus (KHTN-CN)                   |                          | /                     |         | 2019        |
| 20 | An Efficient Coverage Hole-Healing Algorithm for Area-Coverage Improvements in Mobile Sensor Networks              | 3          | Peer-to-Peer Networking and Application, Springer                               | SCIE (KHTN-CN) (IF: 2.397)         | 1                        | 12(3) /               | 541–552 | 2019        |
| 21 | An Ensemble Voted Feature Selection Technique for Predictive Modeling of Malwares of Android                       | 4          | International Journal of Information System Modeling and Design (IJISMD)        | ISI (KHTN-CN)                      |                          | 10(2) /               | 46-69   | 2019        |

|    |                                                                                                                                       |   |                                                                                                                                   |                             |    |              |               |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----|--------------|---------------|------|
| 22 | A survey of the state-of-the-arts on neutrosophic sets in biomedical diagnoses                                                        | 4 | International Journal of Machine Learning and Cybernetics                                                                         | SCIE (KHTN-CN) (IF: 3.844)  | 29 | 10(1) /      | 1–13          | 2019 |
| 23 | A Particle Swarm Optimized Learning Model of Fault Classification in Web-App                                                          | 5 | IEEE Access                                                                                                                       | SCIE (KHTN-CN) (IF: 4.098)  | 3  | /7           | 18480 - 18489 | 2019 |
| 24 | Recent Advances in Bio-inspired Computing Paradigms for Security and Privacy of Innovative Computing                                  | 4 | International Journal of Innovative Computing and Applications, InderScience publisher, ISSN online 1751-6498                     | Scopus (KHTN-CN)            |    | /            |               | 2019 |
| 25 | Brain MRI Image Classification for Cancer Detection Using Deep Wavelet Autoencoder-Based Deep Neural Network                          | 6 | IEEE Access                                                                                                                       | SCIE (KHTN-CN) (IF: 4.0987) |    | 7/           | 46278 - 46287 | 2019 |
| 26 | BioSenHealth 1.0: A Novel Internet of Medical Things (IoMT) Based Patient Health Monitoring System                                    | 3 | Lecture Notes in Networks and Systems. Springer                                                                                   | Scopus (KHTN-CN)            | 3  | /55          | 155-164       | 2019 |
| 27 | Microarray Gene Expression Analysis Using Fuzzy Logic (MGA-FL)                                                                        | 4 | Emerging Technologies in Data Mining and Information Security-Advances in Intelligent Systems and Computing book series, Springer | Scopus (KHTN-CN)            |    | 755 /        | 169-180       | 2019 |
| 28 | Sound Classification Using Convolutional Neural Network and Tensor Deep Stacking Network                                              | 6 | IEEE Access                                                                                                                       | SCIE (KHTN-CN) (IF: 4.098)  | 1  | 1/7          | 7717-7727     | 2019 |
| 29 | Investigating the Importance of Psychological and Environmental Factors for Improving Learner's Performance using Hidden Markov Model | 7 | IEEE Access                                                                                                                       | SCIE (KHTN-CN) (IF: 4.098)  | 1  | 1 /7         | 21559-21571   | 2019 |
| 30 | Light Microscopy Image Denoising using Optimized LPA-ICI Filter, Neural Computing and Applications                                    | 8 | Neural Computing and Applications, Springer, ISSN: 0941- 0643.                                                                    | SCIE (KHTN-CN) (IF: 4.664)  | 14 | Vol.29(12),/ | 1517–1533     | 2018 |
| 31 | Admission Control Algorithm Based on Effective Bandwidth in V2I Communication                                                         | 5 | IET Communication,ISSN 1350-2425.                                                                                                 | SCIE (KHTN-CN) (IF: 1.443)  |    | Vol.12(6)/   | 704-711.      | 2018 |
| 32 | Persistent Cellular Telephony: Enhanced Secure GSM Architecture                                                                       | 5 | Recent Patents on Engineering,ISSN 2212-4047                                                                                      | Scopus (KHTN-CN)            |    | Vol 12(1),/  | 23-29         | 2018 |



|    |                                                                                                                                                     |   |                                                                                                                                        |                            |   |                  |            |      |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---|------------------|------------|------|
| 33 | Pedestrian Action Prediction Based on Deep Features<br>Extraction of Human Posture and Traffic Scene, Intelligent Information and Database Systems  | 3 | ACIIDS 2018. Lecture Notes in Computer Science ; Springer, ISBN: 978-3-319-75419- 2                                                    | Scopus (KHTN-CN)           | 3 | /                | 563-572    | 2018 |
| 34 | Baseline Correction in EMG Signals using Mathematical Morphology and Canonical Correlation Analysis                                                 | 6 | Intelligent Engineering Informatics, Advances in Intelligent Systems and Computing, Springer                                           | Scopus (KHTN-CN)           |   | Vol.695/         | 581-589,   | 2018 |
| 35 | Special issue on Machine Learning in Medical Imaging and Health, Journal of Medical Imaging and Health Informatics                                  | 3 | Journal of Medical Imaging and Health Informatics. ISSN: 2156-7018, American Scientific Publishers, USA.                               | SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.549) |   | Vol.8(4)/        |            | 2018 |
| 36 | Special Issue on Advance Research in Model Driven Security, Privacy, and Forensic of Smart Devices                                                  | 4 | International Journal of Information System Modeling and Design,ISSN 1947-8186                                                         | ISI (KHTN-CN)              |   | Volume 9/Issue 1 |            | 2018 |
| 37 | Haralick Features based Classification of Mammograms using SVM                                                                                      | 7 | Advances in Intelligent System and Computing, Springer                                                                                 | Scopus (KHTN-CN)           |   | /Vol.672         | 787-795    | 2018 |
| 38 | Challenges faced by cloud computing                                                                                                                 | 4 | 3rd International Conference on Applied and Theoretical Computing and Communication Technology (iCATccT), India, 21-23/12, 2017, IEEE. | Scopus (KHTN-CN)           |   | /                | 50-56      | 2017 |
| 39 | A Parallel MaxMin Ant System Algorithm for Dynamic Resource Allocation to Support QoS Requirements                                                  | 3 | The IEEE Conference on Electrical, Computer and Electronics (UPCON 2017),                                                              | Scopus (KHTN-CN)           | 2 | /                | 697-700    | 2017 |
| 40 | Smart Surveillance Robot for the Real Time Monitoring and Control System in Environment and Industrial Applications                                 | 4 | Advances in Intelligent System and Computing, Springer,ISSN: 2194-5357                                                                 | Scopus (KHTN-CN)           |   | 4 /672           | 229-243    | 2017 |
| 41 | Ant Colony Optimization Based Load Frequency Control of Multi-area Interconnected Thermal Power System with Governor Dead-Band Nonlinearity         | 5 | Proceedings of World Conference on Smart Trends in Systems, Security and Sustainability (WS4), Springer.                               | Scopus (KHTN-CN)           | 1 | /                | 157- 167   | 2017 |
| 42 | Reducing over-smoothness in HMMbased speech synthesis using exemplar-based voice conversion                                                         | 2 | EURASIP Journal on Audio, Speech, and Music Processing, Springer                                                                       | SCIE (KHTN-CN) (IF: 3.057) | 5 | /14(2017)        | 1-7        | 2017 |
| 43 | Optimizing Feature Selection in Video-based Recognition using Max-Min Ant System for the Online Video Contextual Advertisement User-Oriented System | 5 | Journal of Computational Science, Elsevier ISSN: 1877-7503                                                                             | SCIE (KHTN-CN) (IF: 2.502) | 9 | Vol.21/          | 361-370    | 2017 |
| 44 | Barrier Coverage Deployment Algorithms for Mobile Sensor Networks                                                                                   | 3 | Journal of Internet Technology                                                                                                         | SCIE (KHTN-CN)             | 6 | 18(7)/           | 1689-1699. | 2017 |

|    |                                                                                                                                                       |   |                                                                                                   |                            |    |                    |         |      |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|----|--------------------|---------|------|
| 45 | Performance Evaluation of Lazy, Decision Tree Classifier and Multilayer Perceptron on Traffic Accident Analysis                                       | 3 | Informatica                                                                                       | ISI (KHTN-CN)              | 6  | 41(1)/             | 39-46   | 2017 |
| 46 | MMAS Algorithm for Features Selection using 1D-DWT for Video-based Face Recognition in the Online Video Contextual Advertisement User-Oriented System | 5 | Journal of Global Information Management. IGI Global. ISSN: 1062-7375.                            | SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.517) | 2  | 2 /25(4)           | 103-124 | 2017 |
| 47 | Evolutionary framework for coding area selection from cancer data                                                                                     | 9 | Neural Computing & Applications, Springer                                                         | SCIE (KHTN-CN) (IF: 4.664) | 22 | 29(4)/             |         | 2016 |
| 48 | A novel energy-efficient clustering protocol with area coverage awareness for wireless sensor networks                                                | 4 | Peer-to-Peer Networking and Applications, ISSN: 1936-6450                                         | SCIE (KHTN-CN) (IF: 2.397) | 18 | 18 /10(3)          | 519-536 | 2016 |
| 49 | Analyzing Trends in Hospital-Cost Payments of Patients Using ARIMA and GIS: Case Study at the Hanoi Medical University Hospital, Vietnam              | 7 | Journal of Medical Imaging and Health Informatics, ISSN 2156-7026                                 | SCIE (KHTN-CN)             |    | Volume 7 /Number 2 | 421-429 | 2016 |
| 50 | Maximum Barrier Coverage Deployment Algorithms in Wireless Sensor Networks                                                                            | 3 | The 13th International Joint Conference on Computer Science and Software Engineering (JCSSE2016), | Scopus (KHTN-CN)           | 2  | /                  |         | 2016 |
| 51 | Healthy and Unhealthy Rat Hippocampus Cells Classification: A Neural based Automated System for Alzheimer Disease Classification                      | 8 | Journal of Advanced Microscopy Research (JAMR), ISSN 2156-7573                                    | ISI (KHTN-CN)              | 20 | /11(1)             | 1-10    | 2016 |
| 52 | A Study of the State of the Art in Synthetic Emotional Intelligence in Affective Computing, International Journal of Synthetic Emotions               | 5 | International Journal of Synthetic Emotions, ISSN: 1947-9093                                      | Khác                       | 2  | Volume 7/ Issue 1  |         | 2016 |
| 53 | Performance Evaluation of Video-Based Face Recognition Approaches for Online Video Contextual Advertisement User-Oriented System                      | 4 | Advances in Intelligent System and Computing, Springer, ISBN 978-81-322-2757-1                    | Scopus (KHTN-CN)           | 6  | Vol.435/           | 287-295 | 2016 |
| 54 | Ant Colony Optimization based Anisotropic Diffusion Approach for Despeckling of SAR Images                                                            | 7 | Lecture Notes in Artificial Intelligence, Springer,                                               | Scopus (KHTN-CN)           |    | Vol.9978/          | 386-393 | 2016 |

|    |                                                                                                                                                      |   |                                                                                                       |                  |   |             |             |      |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---|-------------|-------------|------|
| 55 | Optimizing Selection of PZMI Features based on MMAS Algorithm for Face Recognition of the Online Video Contextual Advertisement User-Oriented System | 4 | Lecture Notes in Artificial Intelligence, Springer, ISBN 978-3-319-49046-5                            | Scopus (KHTN-CN) |   | LNAI 9978,/ | pp. 317–330 | 2016 |
| 56 | I-Q based cooperative spectrum sharing in system with multiple SU transmitters and common receiver                                                   | 4 | International Conference on Communications, Management and Telecommunications (ComManTel), 2015, IEEE | Scopus (KHTN-CN) |   | /           |             | 2015 |
| 57 | Radio irregularity obstacles-Aware model for wireless sensor networks                                                                                | 3 | Journal of Telecommunication, Electronic and Computer Engineering, ISSN: 2180-1843,                   | Scopus (KHTN-CN) | 1 | 8(3) /      | 121-126     | 2015 |
| 58 | A Performance Analysis of OpenStack Open-Source Solution for IaaS Cloud Computing                                                                    | 5 | Advances in Intelligent Systems and Computing, Springer, ISBN 978-81-322-2523-2                       | Scopus (KHTN-CN) |   | Vol.380, /  | 141-150     | 2015 |
| 59 | Modulation-based collaboration Interference-free for cooperative spectrum sharing for 4-QAM based co-existing system                                 | 3 | International Symposium on Information and Communication Technology, SoICT 2015, ACM                  | Scopus (KHTN-CN) |   | /           | 149-155     | 2015 |

- Trong đó, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

Chú thích: (\*) gồm SCI, SCIE, ISI, Scopus (KHTN-CN); SSCI, A&HCI, ISI và Scopus (KHXXH-NV); SCI nằm trong SCIE; SCIE nằm trong ISI; SSCI và A&HCI nằm trong ISI.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích:

\*Giai đoạn Trước Tiến Sĩ Không có.

\*Giai đoạn Sau Tiến Sĩ Không có.

- Trong đó, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích cấp sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...):

\*Giai đoạn Trước Tiến Sĩ

Không có.

\*Giai đoạn Sau Tiến Sĩ

| TT | Tên giải thưởng  | Cơ quan/tổ chức ra quyết định                      | Số quyết định và ngày, tháng, năm                                           | Số tác giả |
|----|------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1  | ASEAN ICT Awards | Bộ trưởng Thông tin và Truyền thông các nước Asean | Giấy chứng nhận đạt giải bạc và Kỷ niệm chương của Asian. (5/12/, 5/12/2018 | 8          |

- Trong đó, giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học:

| TT | Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ | Vai trò: Chủ trì/Tham gia | Tên cơ sở giáo dục đại học |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------|
| 1  | Giấy xác nhận phát triển chương trình đào tạo                                                               | Chủ trì                   | Trường Đại học Duy Tân     |
| 2  | Đề án mở ngành thạc sĩ Quan hệ Quốc tế                                                                      | Tham gia                  | Trường Đại học Duy Tân     |
| 3  | Đề án mở ngành tiến sĩ Kế toán                                                                              | Tham gia                  | Trường Đại học Duy Tân     |
| 4  | Đề án mở ngành thạc sĩ Tài chính Ngân hàng                                                                  | Tham gia                  | Trường Đại học Duy Tân     |
| 5  | Thẩm định chương trình đào tạo thạc sĩ Khoa học máy tính và tiến sĩ khoa học máy tính                       | Tham gia                  | Trường Đại học Duy Tân     |

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

- Thời gian được cấp bằng TS, được bổ nhiệm PGS: ☐

- Giờ chuẩn giảng dạy: ☐

- Công trình khoa học đã công bố: ☐

- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ: ☒

- Hướng dẫn NCS, ThS: ☐

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người đăng ký  
(Ghi rõ họ tên, ký tên)

D. XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NƠI ĐANG LÀM VIỆC

– Về những nội dung "Thông tin cá nhân" ứng viên đã kê khai.

– Về giai đoạn ứng viên công tác tại đơn vị và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn này.

(Những nội dung khác đã kê khai, ứng viên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật).

....., ngày.....tháng.....năm.....

Thủ trưởng cơ quan  
(Ghi rõ họ tên, ký tên, đóng dấu)